

Số: 145/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Văn hóa học
của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1035/QĐ-KĐCL ngày 21/11/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên 31;

Căn cứ Quyết định số 1046/QĐ-KĐCL ngày 27/11/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp 31 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Văn hóa học của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp 31 ngày 19/12/2024 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Văn hóa học (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 47 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 94%,

trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Văn hóa học của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH VĂN HÓA HỌC

CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 145/NQ-HĐKĐCL ngày 20 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn				
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt		
Tiêu chuẩn 1		4.00	3	100%	Tiêu chuẩn 7		4.00	5	100%		
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4					
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4					
Tiêu chí 1.3	4	Tiêu chí 7.3	4								
		Tiêu chí 7.4	4								
Tiêu chuẩn 2		4.00	3	100%	Tiêu chuẩn 8		4.20	5	100%		
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 8.1	4					
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chí 8.2	4					
Tiêu chí 2.3	4	Tiêu chí 8.3	4								
		Tiêu chí 8.4	5								
Tiêu chuẩn 3		3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.5	4	3.80	4	80%		
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chuẩn 9						
Tiêu chí 3.2	4				Tiêu chí 9.1	4					
Tiêu chí 3.3	3				Tiêu chí 9.2	3					
		Tiêu chí 9.3	4								
Tiêu chuẩn 4		4.00	3	100%	Tiêu chí 9.4	4	4.00	6	100%		
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chuẩn 10						
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 10.1	4					
Tiêu chí 4.3	4	Tiêu chí 10.2	4								
		Tiêu chí 10.3	4								
		Tiêu chí 10.4	4								
Tiêu chuẩn 5		3.80	4	80%	Tiêu chí 10.5	4	4.00	5	100%		
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chuẩn 11						
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chí 11.1	4					
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 11.2	4					
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 11.3	4					
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 11.4	4								
		Tiêu chí 11.5	4								
Tiêu chuẩn 6		4.00	7	100%							
Tiêu chí 6.1	4										
Tiêu chí 6.2	4										
Tiêu chí 6.3	4										
Tiêu chí 6.4	4										
Tiêu chí 6.5	4										
Tiêu chí 6.6	4										
Tiêu chí 6.7	4										
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt						
		47			94%						

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH VĂN HÓA HỌC

CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

*(Kèm theo Nghị quyết số: 145/NQ-HĐKĐCL ngày 20 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Văn hóa học (CTĐT) của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và cơ bản tương thích với mục tiêu giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT thể hiện được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt, được rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai đến các bên liên quan. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được điều chỉnh, có đủ thông tin về CTĐT và học phần; đề cương học phần thể hiện tính logic giữa nội dung học phần - phương pháp giảng dạy, học tập - kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của học phần. Chương trình dạy học được xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra, các học phần thể hiện có đóng góp vào chuẩn đầu ra của CTĐT; được rà soát, điều chỉnh trên cơ sở tham khảo ý kiến các bên liên quan và đối sánh CTĐT của cơ sở giáo dục trong và ngoài nước. Triết lý giáo dục được phổ biến đến các bên liên quan và cơ bản được chuyển tải vào CTĐT. Các phương pháp dạy - học đa dạng, chú trọng bồi dưỡng phẩm chất, phát triển các kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp và kỹ năng mềm làm cơ sở cho việc phát triển năng lực học tập suốt đời của người học. Phương pháp kiểm tra đánh giá được quy định khá đa dạng, được phổ biến đến người học và được triển khai. Công tác quy hoạch, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên được thực hiện, năng lực giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo; kết quả thực hiện công việc được quản trị, đánh giá và ghi nhận. Chính sách, phương thức và tiêu chí tuyển sinh rõ ràng, cập nhật. Hệ thống giám sát tiến độ học tập, kết quả học tập đa dạng, hiệu quả; hoạt động hỗ trợ phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng nghiên cứu và khởi nghiệp được chú trọng. Cơ sở vật chất, thiết bị thực hành được đầu tư, đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập đảm bảo tính hệ thống, thông tin phản hồi, so chuẩn và đối sánh được sử dụng để cải tiến CTĐT và chất lượng dịch vụ. Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm được xác lập, giám sát; tỷ lệ người học có việc làm phù hợp cao. Hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được quan tâm; nhà sử dụng lao động hài lòng với chất lượng người học tốt nghiệp.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và

YÊU
CẦU
KIỂM
ĐỊNH
CHẤT
LƯỢNG

đơn vị có CTĐT được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Rà soát mục tiêu của CTĐT phù hợp hơn với tầm nhìn, sứ mạng của Trường; bổ sung nội dung đáp ứng nghề nghiệp trong bối cảnh công nghệ số, kỹ nguyên số; rà soát chuẩn đầu ra của CTĐT đảm bảo tính khả thi; chú trọng tham khảo ý kiến đa dạng các bên liên quan, đồng thời, tăng cường phổ biến tới các bên liên quan, đặc biệt là người học và giảng viên để họ có thể nắm bắt và tích cực, chủ động hơn nữa trong quá trình giảng dạy và học tập hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

2. Rà soát chuẩn đầu ra của một số học phần đảm bảo tương thích với các chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT, đồng thời, thể hiện rõ hơn sự nổi trội của CTĐT và bản sắc vùng miền; đa dạng hơn nữa các hình thức công khai bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần đến các bên liên quan.

3. Rà soát học phần để đảm bảo tăng tính tích hợp, tính logic của chương trình dạy học; bổ sung nội dung kiến thức cho chương trình dạy học theo xu thế đào tạo của ngành như: công nghiệp văn hóa, văn hóa số, chính sách và thiết chế văn hóa và sở hữu trí tuệ; thay học phần Xã hội học bằng Xã hội học Văn hóa/Tâm lý học văn hóa.

4. Nghiên cứu, thể hiện rõ quan điểm về mục tiêu đào tạo, cách tiếp cận, vai trò của người dạy và người học trong các hoạt động đào tạo của Nhà trường theo định hướng ứng dụng; chú trọng rèn luyện và phát triển các kỹ năng mềm cho người học như giao tiếp xã hội, kỹ năng công nghệ số, ngoại ngữ, v.v.; quan tâm hơn nữa tới việc phát triển một số năng lực và phẩm chất cần thiết giúp người học thực hiện được việc học tập suốt đời như tư duy phê phán, phản biện, tư duy logic, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng tìm kiếm, sử dụng thông tin; quan tâm khai thác hình thức dạy học trực tuyến hoặc phương thức kết hợp blended-learning.

5. Xác định phù hợp mức năng lực của chuẩn đầu ra cụ thể cần đo lường đối với từng học phần; rà soát mức độ phù hợp của phương pháp kiểm tra đánh giá so với chuẩn đầu ra để điều chỉnh; đối với các học phần chuyên ngành, nên sử dụng đa dạng hơn các loại hình đánh giá trực tiếp các năng lực ứng dụng kiến thức vào thực tế, các năng lực tư duy bậc cao, mức độ rèn luyện các kỹ năng thực hành, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời, khả năng kiến tạo của người học; hạn chế việc tập trung quá nhiều cho hình thức thi tự luận; đẩy mạnh xây dựng ngân hàng câu hỏi thi tiếp cận lý thuyết khảo thí hiện đại, khoa học đo lường đánh giá để đảm bảo độ tin cậy, độ phân biệt cho đề thi nhằm đánh giá được năng lực người học và mức độ đạt được chuẩn đầu ra của từng học phần và của CTĐT; sử dụng phần mềm cho người học đăng ký phúc khảo bài thi dễ dàng.

6. Điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên để đảm bảo tính khả thi có tính đến các yếu tố đặc thù của CTĐT; xác định các năng lực để quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng và phát triển đội ngũ, nhất là đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên ngành Văn hóa học; quan tâm kiểm soát khối lượng giảng dạy; xây dựng bộ chỉ số đánh giá

kết quả thực hiện công việc và có hướng dẫn quy đổi, đánh giá, ghi nhận kết quả phục vụ cộng đồng của giảng viên; có các chính sách hiệu quả nhằm thúc đẩy hơn nữa hoạt động khoa học và công nghệ trong giảng viên.

7. Mô tả và xác định mức năng lực cho từng vị trí việc làm của cán bộ hỗ trợ để thực hiện lập kế hoạch đánh giá cán bộ theo tiếp cận năng lực, trong đó quan tâm năng lực về ngoại ngữ, công nghệ thông tin và chuyển đổi số; xây dựng và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhân viên theo bộ chỉ số KPIs; mô tả và bổ sung nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu khoa học của các trung tâm nghiên cứu, tạp chí, các câu lạc bộ sinh viên, hỗ trợ khởi nghiệp, tìm kiếm việc làm và phục vụ cộng đồng đối với nhân viên hỗ trợ, đồng thời thực hiện đãi ngộ gắn với kết quả công việc; đẩy mạnh tự chủ của các khoa, đơn vị trong tuyển dụng, giám sát và đánh giá nhân viên gắn với phát triển năng lực và hướng tới hoạt động hỗ trợ người học của CTĐT.

8. Đánh giá hiệu quả của các chính sách và tiêu chí tuyển sinh, đồng thời tiến hành khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực để xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp với đặc thù của CTĐT; triển khai các giải pháp hỗ trợ tích cực hơn cho hoạt động nghiên cứu khoa học của người học, hướng dẫn và khuyến khích người học tham gia vào các hoạt động nghiên cứu; đồng thời, tăng cường công tác giám sát kết quả học tập và khối lượng học tập của người học để kịp thời phát hiện và hỗ trợ những sinh viên gặp khó khăn, nhằm khắc phục hiệu quả tình trạng người học thôi học, tình trạng tốt nghiệp muộn; quan tâm mở không gian tự học; quan tâm đánh giá mức độ hài lòng của người học về môi trường tâm lý, cảnh quan để cải tiến nâng cao chất lượng.

9. Xây dựng chiến lược phát triển cơ sở vật chất, trong đó lưu ý đến việc phát triển quỹ phòng làm việc, phòng học, nên xây dựng phòng học đa phương tiện, kết nối trực tuyến; hoàn thiện hệ thống đào tạo trực tuyến; tăng cường xây dựng, rà soát và thẩm định các bài giảng trực tuyến; lập bản đồ giáo trình của các học phần để làm cơ sở xây dựng kế hoạch biên soạn, mua sắm đáp ứng yêu cầu CTĐT; có giải pháp bổ sung bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến CTĐT.

10. Chú trọng hơn đến việc phân tích nhu cầu của các bên liên quan, tăng cường tham khảo các thực hành tốt, các xu hướng mới trong đào tạo của các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước làm căn cứ điều chỉnh toàn diện chương trình dạy học; rà soát, đánh giá mức độ tương thích giữa các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT để cải tiến; đẩy mạnh hoạt động đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học trước khi tốt nghiệp và đo lường các chuẩn đầu ra học phần để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT; có chính sách gắn kết nghiên cứu khoa học với đào tạo, khuyến khích các đề tài, nghiên cứu có giá trị thực tiễn trong việc cải tiến phương pháp dạy, học; phân tích kết quả khảo sát về chất lượng cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ để cải tiến công tác hỗ trợ người học; rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan về tính phù hợp, hiệu quả và chất lượng thông tin thu được để cải tiến chất lượng.

11. Triển khai thường xuyên, chuyên nghiệp với mức độ tiếp cận đối tượng cao hơn, kết hợp thu thập dữ liệu phục vụ mục đích đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra như quy định; quan tâm đưa chỉ số về kết quả đầu ra thành các chỉ số thực hiện chính KPIs để giám sát, cải tiến thường xuyên; đồng thời, áp dụng phương thức đào tạo cá thể hóa, dạy học hoặc tự học qua mạng một cách phù hợp thay cho việc tổ chức học kỳ phụ với các lớp có số người học đăng ký ít, đồng thời đẩy mạnh việc chuẩn bị các bài giảng, giáo trình điện tử và từng bước chuyển đổi mô hình và lộ trình đào tạo phù hợp với nhu cầu học tập trong kỷ nguyên mới; xem xét đưa môn học khởi nghiệp vào CTĐT hoặc hoạt động thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của người học.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có CTĐT được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Văn hóa học gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.

